TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 08-7-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Giáp Thanh Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vy Thị Thơm và bà Lương Thuỳ Linh

-***Thư ký phiên toà*:** Bà Lý Thị Sinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2025/TLST - HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị La Thị M, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bế Văn C, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/5/2025, các lời khai sau đó và trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị La Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bế Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, chung sống vợ chồng từ năm 2005, tuy nhiên do không hiểu biết pháp luật nên anh chị không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định của pháp luật. Sau khi chung sống thì thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến khoảng năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do kinh tế khó khăn, quan điểm sống không hợp nên thường xuyên cãi vã, chửi nhau. Hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh nhau. Chị đã cố gắng chịu đựng để nuôi dạy con cái nhưng vẫn không được. Đến năm 2020 thì chị không chịu được nữa nên đi làm công ty và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm, không liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng với anh Bế Văn C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị La Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bế Văn C để ổn định cuộc sống. Chị đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án và đề nghị không hòa giải.

Về con chung: Có 02 con chung là chị Bế Thị N, sinh ngày 27/5/2005 và cháu Bế Văn V, sinh ngày 13/7/2008. Chị Bế Thị N đã trưởng thành, phát triển bình thường, đã tự lập, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Cháu Bế Văn V hiện nay đang sống cùng với anh Bế Văn C. Khi ly hôn chị yêu cầu anh Bế Văn C là người trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị không cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Bế Văn C có nơi ở ổn định và có khả năng nuôi con đảm bảo đầy đủ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2025, đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 24/6/2025 bị đơn anh Bế Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bế Văn C và chị La Thị M được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, chung sống từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng tình cảm bình thường không phát sinh mâu thuẫn lớn đến khoảng năm 2020 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi, chửi nhau. Sau đó chị La Thị M bỏ đi công ty và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh và chị La Thị M không còn quan tâm, hỏi han nhau. Nay chị La Thị M yêu cầu ly hôn, anh nhất trí do anh cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị La Thị M. Anh Bế Văn C đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án do bận đi làm ăn xa, không thể về tham gia tố tụng tại Toà án.

Về con chung: Có 02 con chung là chị Bế Thị N, sinh ngày 27/5/2005 đã trưởng thành, phát triển đầy đủ và tự lập, anh không yêu cầu giải quyết và cháu Bế Văn V, sinh ngày 13/7/2008 hiện nay đang sống cùng với anh. Khi ly hôn chị La Thị M yêu cầu anh là người tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bế Văn V cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Bế Văn C nhất trí và không yêu cầu chị La Thị M phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm nông nghiệp, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/ tháng và có chỗ ở ổn định. Anh vẫn nuôi con đầy đủ, bảo đảm từ lúc chị La Thị M bỏ đi cho đến nay.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2025 cháu Bế Văn V, sinh ngày 13/7/2008 trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với bố và hiện nay cháu vẫn được bố chăm sóc đầy đủ.

Tại văn bản số: 58/UBND ngày 03/6/2025 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã L, tỉnh Lạng Sơn) cung cấp thông tin tài liệu, chứng cứ về việc đăng ký kết hôn thể hiện: Hiện nay Ủy ban nhân dân xã L chỉ còn lưu giữ sổ gốc đăng ký kết hôn từ năm 1999 đến nay. Qua kiểm tra các sổ gốc đang lưu giữ không có thông tin kết hôn của chị La Thị M và anh Bế Văn C.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng đầy đủ quy định theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt các đương sự. Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị La Thị M và anh Bế Văn C chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định. Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị La Thị M và anh Bế Văn C. Về con chung: Có 02 người con chung là chị Bế Thị N, sinh ngày 27/5/2005 và cháu Bế Văn V, sinh ngày 13/7/2008; chị Bế Thị N đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, vì vậy đề nghị không xem xét, giải quyết. Cháu Bế Văn V sống cùng với anh Bế Văn C từ khi chị La Thị M bỏ đi làm công ty và có nguyện vọng sống với anh Bế Văn C, chị La Thị M đề nghị anh Bế Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, anh Bế Văn C nhất trí và không yêu cầu chị La Thị M cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy đề nghị giao con chung là cháu Bế Văn V cho anh Bế Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là phiên tòa lần thứ nhất, nguyên đơn chị La Thị M và bị đơn anh Bế Văn C đã được Toà án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng không có mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị La Thị M và anh Bế Văn C theo quy định của pháp luật.

[2] Về quyền khởi kiện: Mặc dù chị La Thị M và anh Bế Văn C không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền, nhưng trên thực tế đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005 và có hai người con chung. Do đó, chị La Thị M có quyền yêu cầu ly hôn với anh Bế Văn C theo quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[3] Do chị La Thị M và anh Bế Văn C chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị La Thị M và anh Bế Văn C chưa được xác lập theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Bế Văn C, đăng ký thường trú và chỗ ở tại thôn N, xã L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[5] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xét thấy theo như lời khai của nguyên đơn, bị đơn và văn bản số 58/UBND ngày 03/6/2025 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện L nơi thường trú của hai người từ năm 1999 đến nay, xác định chị La Thị M và anh Bế Văn C chung sống với nhau không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 9; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị La Thị M và anh Bế Văn C.

[6] Về con chung: Chị La Thị M và anh Bế Văn C có 02 người con chung là chị Bế Thị N, sinh ngày 27/5/2005 và cháu Bế Văn V, sinh ngày 13/7/2008; chị Bế Thị N đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, nguyên đơn và bị đơn đề nghị không xem xét, giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; còn cháu Bế Văn V sống cùng với anh Bế Văn C từ khi chị La Thị M bỏ đi làm công ty và có nguyện vọng sống với anh Bế Văn C, vẫn được anh Bế Văn C chăm sóc đảm bảo và đầy đủ, có chỗ ở ổn định. Chị La Thị M đề nghị anh Bế Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, anh Bế Văn C nhất trí và không yêu cầu chị La Thị M cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy Hội đồng xét xử giao cháu Bế Văn V cho anh Bế Văn C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị La Thị M chưa phải cấp dưỡng nuôi con do anh Bế Văn C không có yêu cầu. Chị La Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị La Thị M là người dân tộc thiểu số, sống tại xã L, tỉnh Lạng Sơn là vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đã có đơn xin miễn tạm ứng án phí, miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[10] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị La Thị M và anh Bế Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Bế Văn V, sinh ngày 13/7/2008 cho anh Bế Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị La Thị M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Bế Văn C không yêu cầu. Chị La Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị La Thị M thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị La Thị M được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị La Thị M, bị đơn anh Bế Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Lợi Bác, tỉnh Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giáp Thanh Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Mai